

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, thị t, huyện C, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2021, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2019, bà và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà và ông B thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, ông B thường xuyên uống rượu không lo cho gia đình, hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, giữa bà và ông B đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông B. Do

mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông B, nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông B vẫn không tham gia tố tụng.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Thị M xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông B không cung cấp chứng cứ gì, ông B vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị M xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2019, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Nguyễn Thị M xác định giữa bà và ông B thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, bà M không còn tình cảm dành cho ông Nguyễn Văn B. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn B đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2020 đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn được. Ông B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông B không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với ông Nguyễn Văn B là có cơ sở.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0012438 ngày 18/02/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng